

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN M'ĐRẮK  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày 17 - 3 - 2022

V/v Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Dương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Duy Am; Ông Giang Mạnh Hào.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Văn Hoàng, thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022 tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 về "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Phạm Viết K sinh năm 1985. Địa chỉ: xóm 13B, xã N, thành phố V, tỉnh N. Ông K vắng mặt tại phiên tòa, ông K có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* bà Đào Thị H sinh năm 1992. Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đ. Bà H có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn ông Phạm Viết K trình bày:

Ông K và bà Đào Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố V, tỉnh N vào ngày 20/03/2015. Quá trình chung sống, ông K bà H phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm về lối sống sinh hoạt gia đình. Nên, ông K và bà H đã không chung sống với nhau từ năm 2018 đến nay. Ông K nhận thấy không còn tình cảm với bà H và không thể tiếp tục chung sống với bà H được nữa. Nên ông K yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông K được ly hôn với bà H.

Về con chung: ông K và bà H có 01 con chung là Phạm Đan N sinh ngày 19/8/2015. Khi ly hôn, ông K đồng ý để bà H là người trực tiếp nuôi con đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông K và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn bà Đào Thị H trình bày:

Bà H tự nguyện đăng ký kết hôn với ông K ngày 20/3/2015 tại UBND xã N, thành phố V, tỉnh N. Sau kết hôn, ông bà chung sống với nhau, đến tháng 5 năm 2018 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Bà H đưa con Phạm Đan N về tỉnh Đắk Lắk sinh sống cho đến nay, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Nhận thấy, vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau và tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Bà H chấp nhận yêu cầu của ông K, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà H và ông K có 01 con chung như ông K trình bày. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con cho bà H.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: bà H và ông K không có tài sản chung, không nợ nần ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết:

Bị đơn bà Đào Thị H có địa chỉ cư trú tại tổ dân phố 5, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đ. Quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Nên, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, ông K đã trình bày lời khai và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa ông K vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 BLTTDS, việc xét xử vẫn được tiến hành.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: ông K và bà H tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và được Ủy ban nhân dân xã N, Thành phố V, tỉnh N cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/3/2015. Hôn nhân giữa ông K và bà H là hợp pháp. Do bất đồng quan điểm lối sống và mâu thuẫn trầm trọng, nên ông K và bà H đã không chung sống với nhau từ tháng 5 năm 2018. Theo ông K và bà H thì ông, bà không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với nhau, nay cùng có nguyện vọng

được ly hôn. Xét thấy mục đích hôn nhân giữa ông K và bà H không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K, xử cho ông K được ly hôn với bà H.

[2.2] Về nuôi con chung: ông K và bà H có 01 con chung là Phạm Đan N sinh ngày 19/8/2015, hiện đang được bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông K và bà H đều thống nhất khi ly hôn, bà H là người trực tiếp nuôi con. Để đảm bảo quyền và lợi ích của con, HĐXX cần giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà H không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con, nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Ông K và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nguyên đơn ông K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về Hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 220, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Viết K:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Phạm Viết K được ly hôn với bà Đào Thị H.

- Về nuôi con chung: Giao Phạm Đan N sinh ngày 19/08/2015 cho bà Đào Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Ông Phạm Viết K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà ông K đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai số 60AA/2021/0005248 ngày 11/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M'Đrăk.

4. Thông báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án HNGĐ-ST trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương

sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án HNGĐ-ST trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrắk;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện M'Đrắk;
- UBND xã Nghi Kim;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thế Dương**